

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số:34/2019/HS - ST
Ngày:19 - 4 - 2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phần;

Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2019/TLST - HS ngày 03 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 4 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn Đ, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1989 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trọng Nghĩa và bà Trần Thị V; có vợ là Đỗ Kim T và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Ngày 08/8/2017 bị TAND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Đánh bạc”; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 13/01/2019 đến ngày 22/01/2019 chuyển tạm giam; “có mặt”.

2. Đỗ Văn T, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1985 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 12, xã X, huyện Xu, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C và bà Đỗ Thị H; có vợ là Bùi Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 19/12/2013 bị Công an huyện Xuân Trường xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo ra đầu thú, tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 24/01/2019 chuyển tạm giam. Ngày 29/01/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; “có mặt”.

3. Lê Đức T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1989 tại xã X, huyện , tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Nam N và bà Nguyễn Thị ; có vợ là Trần Thị T, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú, tạm giữ từ ngày 15/01/2019 đến ngày 24/01/2019 chuyển tạm giam. Ngày 29/01/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; “có mặt”.

4. Triệu Văn Q, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1987 tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm H, xã N, huyện , tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Xuân R và bà Mai Thị M; có vợ là Trần Thu T và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 13/01/2019 đến ngày 22/01/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; “có mặt”.

5. Nguyễn Văn D, sinh ngày 23 tháng 9 năm 1992 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 13/01/2019 đến ngày 22/01/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; “có mặt”;

6. Trần Đức C, sinh ngày 24 tháng 11 năm 1991 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Bùi Thị B; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 13/01/2019 đến ngày 22/01/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; “có mặt”;

7. Trần Văn T, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1989 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm 8, xã Xu, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Bùi Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 13/01/2019 đến ngày 22/01/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “có mặt”.

8. Phan Văn V, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1989 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Quang V và bà Trần Thị G; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 22/01/2019; “có mặt”.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Mai Đức V, sinh năm 1988, nơi cư trú: Xóm 3, xã Xuân B, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”;

2. Anh Lê Văn H, sinh năm 1992, nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”;

- *Người chứng kiến:* Ông Lê Nam N; sinh năm 1962, nơi cư trú: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 12/01/2019, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn V cùng ăn cỗ đám cưới Lê Đức T ở xóm 8, xã , huyện X, tỉnh Nam Định. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, thấy khách đã về hết, người nhà T đều đi ngủ, trên sân nhà T vẫn còn trải chiếu, tại góc sân có 01 bộ bát đĩa sứ và 04 quân vị hình tròn (cắt từ quân bài tứ lơ khơ), T, T, D, C, T, V cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền. Cách thức chơi như sau: Những người chơi nhận cửa chắn hoặc cửa lẻ, rồi đặt tiền cược xuống chiếu trước mặt mình từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng/người/án. Người cầm cái cho 4 quân vị vào trong lòng đĩa rồi úp bát lên xóc, khi mở bát nếu cứ có 2 cặp quân cùng màu hoặc cả 4 quân cùng màu thì cửa chắn thắng, người cầm cái được ăn tiền các cửa lẻ và trả tiền cho các cửa chắn bằng số tiền người đó đặt. Còn nếu có 1 quân vị khác màu 3 quân còn lại thì cửa lẻ thắng, người cầm cái ăn tiền các cửa chắn và trả tiền các cửa lẻ. T là người cầm cái xóc đĩa để cho mọi người cùng chơi, các đối tượng khác bỏ tiền ra đặt ở hai cửa chắn lẻ tùy người chơi theo từng ván. Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, Bùi Văn Đ và Triệu Văn Q đến cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 13/01/2019, Phan Văn V ra về, nhóm còn lại tiếp tục chơi đến 00 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện X phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 01 bộ bát đĩa sứ và 04 quân vị các đối tượng đang sử dụng để đánh bạc, số tiền 11.300.000 đồng, trong đó thu của Bùi Văn Đ 9.000.000 đồng, thu của Đỗ Văn T 100.000 đồng, thu của Lê Đức T 300.000 đồng, thu của Triệu Văn Q 400.000 đồng; thu của Nguyễn Văn D 900.000 đồng, thu của Trần Đức C 400.000 đồng, thu của Trần Văn T 200.000 đồng. Ngoài ra còn thu của Phan Văn V 100.000 đồng.

Lê Đức T và Đỗ Văn T bỏ trốn, đến ngày 15/01/2019 ra đầu thú. Ngày 22/01/2019, Phan Văn V đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, khai nhận số tiền của bản thân dùng để đánh bạc như sau:

Bùi Văn Đ có 8.000.000 đồng, đã bỏ ra 3.000.000 đồng để chơi, khi bị bắt đang thắng 1.000.000 đồng.

Đỗ Văn T có 700.000 đồng, khi bị phát hiện đang thua 400.000 đồng, để lại trên chiếu 100.000 đồng, T cầm theo 200.000 đồng bỏ trốn, số tiền này bị mất trong quá trình bỏ chạy.

Lê Đức T có 500.000 đồng, khi bị phát hiện đang thua 200.000 đồng.

Triệu Văn Q có 1.000.000 đồng, khi bị bắt đang thua 600.000 đồng.

Nguyễn Văn D có 600.000 đồng, khi bị bắt đang thắng 300.000 đồng.

Trần Đức C có 500.000 đồng, khi bị bắt đang thua 100.000 đồng.

Trần Văn T có 200.000 đồng, khi bị bắt không thua không thắng.

Phan Văn V có 100.000 đồng, khi ra về Viết cầm theo 100.000 đồng.

Cáo trạng số 25/CT - VKS ngày 03/4/2019 của VKSND huyện truy tố các bị cáo: Lê Đức T, Bùi Văn Đ, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn V, Triệu Văn Q về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu đánh giá về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn .

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn Q, Nguyễn Văn D, Trần Văn T. Đối với các bị cáo Q, T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Đức T, Trần Đức C, Phan Văn V. Đối với các bị cáo T, V áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Lê Đức T, Bùi Văn Đ, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn V, Triệu Văn Q phạm tội “Đánh bạc”;

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù;

Xử phạt các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Văn T, Triệu Văn Q mỗi bị cáo từ 18 -21 tháng cải tạo không giam giữ. Các bị cáo đã bị tạm giữ được khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 25.000.000 đồng -30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Xử phạt các bị cáo Trần Đức C, Phan Văn V, mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng - 25.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, các bị cáo T, C, V đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo này.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bát đĩa sứ, 04 quần vớ; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 11.400.000 đồng.

Các bị cáo khác không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận hành vi đánh bạc ăn tiền của bản thân là vi phạm pháp luật, hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo T, V, C xin HĐXX xử phạt tiền là hình phạt chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có khiếu nại gì. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo: Lê Đức T, Bùi Văn Đ, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Triệu Văn Q, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn V tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng 23 giờ 30 phút ngày 12/01/2019 đến 00 giờ 30 phút ngày 13/01/2019, tại nhà Lê Đức T ở xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Lê Đức T, Bùi Văn Đ, Triệu Văn Q, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn V đã có hành vi cùng nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh xóc đĩa với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) thì bị phát hiện bắt quả tang. Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật như trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi, đều nhận thức được việc làm của mình, biết được đánh bạc là tệ nạn xã hội có tác động tiêu cực đến từng cá nhân, gia đình và xã hội, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác xâm phạm đến trật tự xã hội, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của mỗi gia đình, đặc biệt là bị cáo Bùi Văn Đ đã từng bị kết án về tội “Đánh bạc” nhưng không lấy đó làm bài học, cùng các bị cáo khác háo hức, đã bất chấp hậu quả, tụ tập đánh bạc sát phạt lẫn nhau. Do đó các bị cáo phải bị xử lý nghiêm

minh theo quy định của pháp luật hình sự thì mới tác dụng đấu tranh và phòng ngừa chung.

[4]Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Trong đó bị cáo Bùi Văn Đông có số tiền dùng đánh bạc lớn nhất nên có vai trò thứ nhất, tiếp theo là các bị cáo Lê Đức T là người cầm cái, Triệu Văn Q, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn Th có số tiền dùng đánh bạc thấp hơn nên có vai trò thứ hai, vai trò sau cùng là Phan Văn V có số tiền dùng đánh bạc thấp nhất và ra về trước khi bị phát hiện.

[5]Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Bùi Văn Đ đã bị kết án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; bị cáo Đỗ Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng nào nhưng có nhân thân xấu; các bị cáo còn lại đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Đức T, Triệu Văn Q, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn V đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Lê Đức T, Đỗ Văn T, Phan Văn V sau khi phạm tội bỏ trốn và đã ra đầu thú, Trần Văn Q có bố được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang nên còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]Về hình phạt: Bị cáo Bùi Văn Đ giữ vai trò đầu trong vụ án, đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian bằng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Các bị cáo Lê Đức T, Triệu Văn Q, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn V đều chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có ý thức sửa chữa lỗi lầm nên không cần thiết cách ly khỏi cộng đồng xã hội. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào điều kiện thi hành án của từng bị cáo để ấn định loại hình phạt phù hợp. Vì vậy, đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Văn Q, Nguyễn Văn D, Trần Văn T sẽ phạt cải tạo không giam giữ, do các bị cáo này làm nông nghiệp, thu nhập thấp nên miễn khấu trừ thu nhập; đối với các bị cáo: Lê Đức T, Trần Đức C, Phan Văn V xin đề nghị HĐXX xử phạt tiền là hình phạt chính, xét đề nghị của ba bị cáo này là phù hợp nên được chấp nhận cũng như phù hợp với đề nghị của Đại diện viện kiểm sát.

[7]Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không phạt bổ sung là phạt tiền.

[8]Xử lý vật chứng: Số tiền 11.400.000 đồng cơ quan Công an thu giữ tại chiếu bạc được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; 01 bộ bát đĩa sứ, 04 quân vĩa phượng tiện phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với người nhà của bị cáo Lê Đức T: Khi các bị cáo chơi đánh bạc, người nhà Trọng đều đã đi ngủ, không biết việc các bị cáo đánh bạc ăn tiền nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X đã nhắc nhở, rút kinh nghiệm là phù hợp.

[10] Án phí: Các bị cáo Bùi Văn Đ, Lê Đức T, Triệu Văn Q, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn t phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Đông; khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Đỗ Văn T, Trần Văn Q, Nguyễn Văn D, Trần Văn T; khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Lê Đức T, Trần Đức C, Phan Văn V; các bị cáo Lê Đức T, Đỗ Văn T, Phan Văn V, Triệu Văn Q được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Bùi Văn Đ, Lê Đức T, Triệu Văn Q, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn V phạm tội “Đánh bạc”;

1.1 Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (13/01/2019);

1.2 Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T tháng 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian 15 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 15/01/2019 đến ngày 29/01/2019) bằng 01 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 16 tháng 15 ngày cải tạo không giam giữ.

1.3 Xử phạt: Các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn D, Trần Văn T mỗi bị cáo 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian 10 ngày các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn D, Trần Văn Th đã bị tạm giữ (từ ngày 13/01/2019 đến ngày 22/01/2019) bằng 30 ngày cải tạo không giam giữ, mỗi bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo: Đỗ Văn Trường, Nguyễn Văn D, Trần Văn T, cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Giao bị cáo Trần

Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người bị kết án trong việc giám sát, giáo dục người đó.

1.4 Xử phạt: Lê Đức T 25.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

1.5 Xử phạt: Các bị cáo Trần Đức C, Phan Văn V mỗi bị cáo 20.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước;

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bát đĩa sứ, 04 quân vị;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 11.400.000 đồng (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng);

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao vật chứng, tài sản số 40/CCTHA và biên lai thu tiền số 06194 cùng ngày 08/4/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Bùi Văn Đ, Lê Đức T, Triệu Văn Q, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn V, mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Bùi Văn Đ, Lê Đức T, Triệu Văn Q, Đỗ Văn T, Nguyễn Văn D, Trần Đức C, Trần Văn T, Phan Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Công an huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X;
- UBND xã N
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long